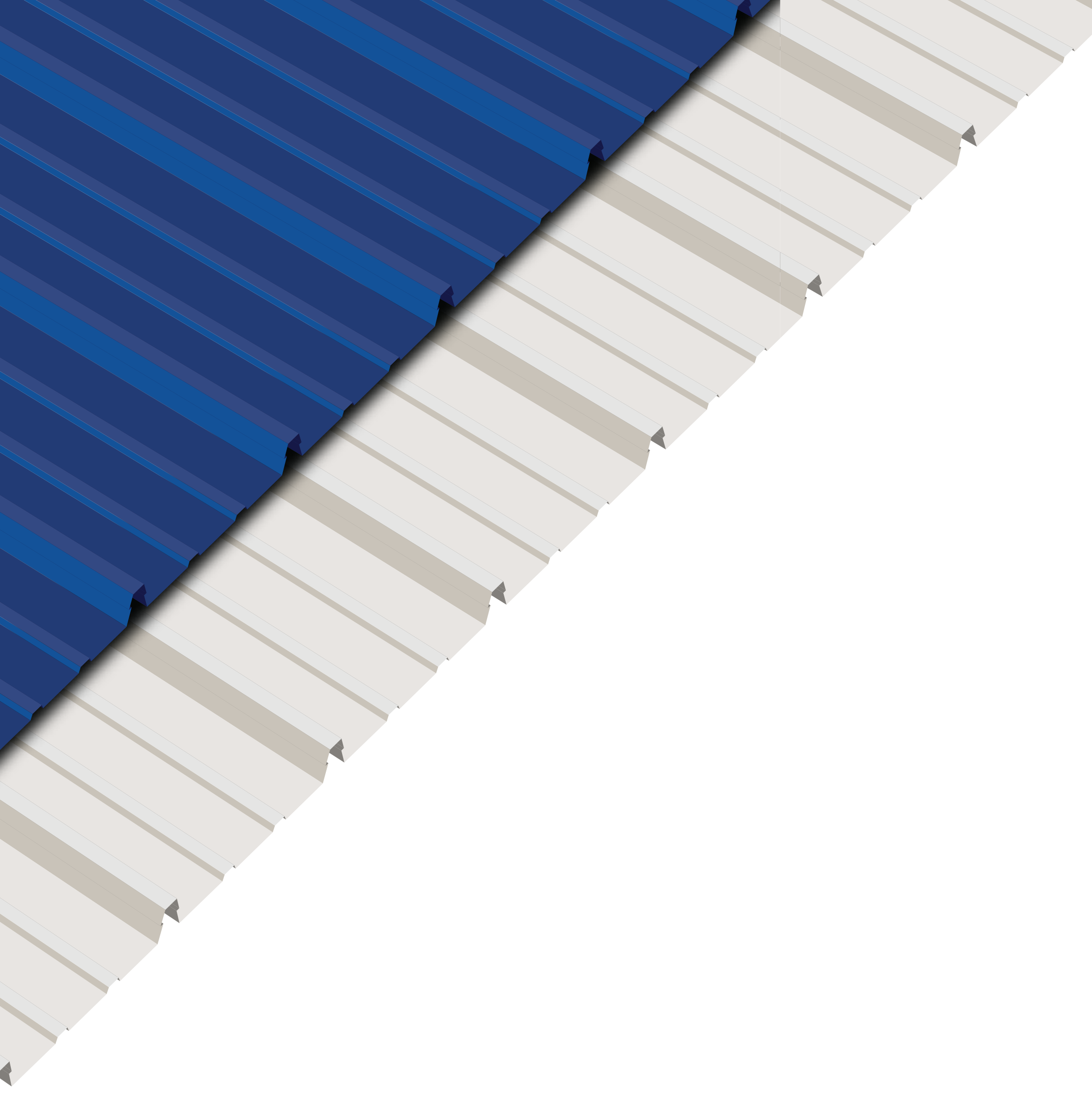




HỒ SƠ NĂNG LỰC
COMPANY PROFILE



MỤC LỤC

TABLE OF CONTENTS

01. Lịch sử hình thành <i>The formation history</i>	06
02. Những con số nổi bật <i>Outstanding figures</i>	07
03. Hệ thống nhà máy <i>Factory system</i>	08 - 09
04. Nguồn nguyên liệu <i>Our raw material sources</i>	10 - 11
05. Dây chuyền tẩy gỉ <i>Continuous pickling line</i>	12 - 13
06. Dây chuyền cán nguội <i>Cold rolling mills</i>	14 - 15
07. Dây chuyền mạ lạnh, mạ kẽm hoặc mạ ZINMAG® <i>Continuous galvanized/ galvalume or ZINMAG® line</i>	16 - 17
08. Dây chuyền tháp mạ chữ L <i>The L-shape furnace</i>	18 - 19
09. Dây chuyền mạ màu <i>Color coating line</i>	20 - 21
10. Kiểm soát chất lượng và tiêu chuẩn chất lượng <i>Quality control and standards</i>	22 - 23
11. Sản phẩm <i>Products</i>	24 - 45
12. Thị trường và hệ thống phân phối <i>Market and distribution channels</i>	46 - 49
13. Quan hệ hợp tác <i>Co-operation</i>	50 - 51
14. Dự án <i>Projects</i>	52 - 57

"Cải tiến chất lượng không ngừng" là tinh thần nhất quán quan trọng ở tất cả các mặt hoạt động của Tôn Nam Kim nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm và dịch vụ, gia tăng lợi ích của khách hàng. Từ đó mang lại sự tăng trưởng bền vững cho doanh nghiệp.

Là một doanh nghiệp chuyên sản xuất tôn mạ hàng đầu tại Việt Nam, Tôn Nam Kim luôn tiên phong trong đầu tư công nghệ để cung cấp những sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng tốt nhất đến khách hàng trong nước và quốc tế. Tiêu chuẩn sản phẩm Tôn Nam Kim được tin dùng trên toàn quốc và xuất khẩu đến hơn 65 quốc gia trên toàn cầu.

Tôn Nam Kim sử dụng trang thiết bị công nghệ hiện đại của các tập đoàn hàng đầu thế giới trong ngành công nghiệp thép như SMS (CHLB Đức), Drever (Bỉ). Nguồn nguyên liệu thép được lựa chọn từ các tập đoàn lớn nổi tiếng như Nippon Steel (Nhật Bản), Hyundai Steel (Hàn

Quốc), CSC (Đài Loan), Formosa (Việt Nam)... Hơn nữa, ở tất cả các công đoạn sản xuất, sản phẩm đều phải trải qua các quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt. Vì vậy, Tôn Nam Kim đã đạt được các tiêu chuẩn chất lượng khắt khe nhất thế giới như JIS (Nhật Bản), AS (Úc), ASTM (Mỹ), EN (Châu Âu), ISO 9001 và ISO 14001.

Với công nghệ tiên tiến, đội ngũ nhân sự có chuyên môn sâu và nhiều năm kinh nghiệm, Tôn Nam Kim cam kết cung cấp những sản phẩm có giá trị chất lượng bền vững, thân thiện với môi trường và mang lại hiệu quả kinh tế cao cho khách hàng

"Continuous quality improvement" is the most consistent and fundamental principle across all operations at Ton Nam Kim. It aims to enhance the value of our products and services while increasing customer benefits – thereby driving sustainable growth for the company.

Ton Nam Kim is a leading coated steel manufacturer in Vietnam. With a motto of always being a pioneer in investing in advanced technology, Ton Nam Kim would like to offer our products to domestic and overseas customers with the highest quality standards. Until now, our products have been widely trusted across Vietnam and exported to more than 65 countries worldwide.

Ton Nam Kim uses modern technology and equipment from the world's leading corporations in the steel industry i.e. SMS (Germany) and Drever (Belgium). Our raw materials are selected from well-known and major suppliers such as

Nippon Steel (Japan), Hyundai Steel (Korea), CSC (Taiwan), Formosa (Vietnam), etc. Additionally, at all stages of production, our products are constantly subjected to strict quality control procedures. Thereby, Ton Nam Kim has achieved certifications for the most rigorous international standards, such as JIS (Japan), AS (Australia), ASTM (USA), EN (Europe), ISO 9001 and ISO 14001.

Along with advanced technology, highly qualified professionals and experienced teams, Ton Nam Kim would like to commit and provide its customers with high-quality, sustainable, environmentally friendly, and economically efficient products.

NHÀ MÁY SẢN XUẤT FACTORY

CÔNG SUẤT
PRODUCTION CAPACITY
1.200.000
tấn / năm tons/year

NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 1 NAM KIM COATING FACTORY # 1



Diện tích: 6,5 ha
Công suất: 350.000 tấn/năm
Vốn đầu tư: 1.000 tỷ đồng
Sản phẩm: Tôn lạnh, tôn lạnh màu, tôn kẽm
Địa chỉ: Lô B2.2 – B2.3, Đường Đ3, KCN Đồng An 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

Area: 6.5 hectares
Capacity: 350,000 tons / year
Investment capital: 43 million USD
Products: Galvalume coated steel, Pre-painted Galvalume coated steel, Galvanized coated steel.
Address: Lot B2.2 – B2.3, D3 Street, Dong An 2 Industrial Park, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City

NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 2 NAM KIM COATING FACTORY # 2



Diện tích: 10 ha
Công suất: 650.000 tấn/năm
Vốn đầu tư: 2.300 tỷ đồng
Sản phẩm: Tôn lạnh, tôn lạnh màu, tôn kẽm, tôn kẽm màu, tôn ZINMAG®.
Địa chỉ: Lô A1, Đường Đ2, KCN Đồng An 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh

Area: 10 hectares
Capacity: 650,000 tons / year
Investment capital: 100 million USD
Products: Galvalume coated steel, Pre-painted Galvalume coated steel, Galvanized coated steel, Pre-painted galvanized steel, ZINMAG® - Magnesium alloy coated steel.
Address: Lot A1, D2 Street, Dong An 2 Industrial Park, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City

NHÀ MÁY ỐNG LONG AN NAM KIM LONG AN STEEL PIPE FACTORY



Diện tích: 3,2 ha
Công suất: 120.000 tấn/năm
Vốn đầu tư: 250 tỷ đồng
Sản phẩm: Ống thép
Địa chỉ: Lô C2-16 đến Lô C2-20, Đường VL1, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh

Area: 3.2 hectares
Capacity: 120,000 tons / year
Investment capital: 11 million USD
Products: Galvanized steel pipe
Address: Lot C2-16 to C2-20, VL1 Street, Vinh Loc 2 Industrial Park, My Yen Commune, Tay Ninh Province

NHÀ MÁY MỸ PHƯỚC III MY PHUOC III FACTORY



Diện tích: 5 ha
Công suất: 150.000 tấn/năm
Vốn đầu tư: 104 tỷ đồng
Sản phẩm: Tôn lạnh, tôn lạnh màu, tôn kẽm, tôn kẽm màu.
Địa chỉ: Lô A-5F-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Chánh Phú Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Area: 5 hectares
Capacity: 150,000 tons / year
Investment capital: 4.7 million USD
Product: Galvanized steel pipe
Address: Lot A-5F-CN, My Phuoc 3 Industrial Park, Chanh Phu Hoa Ward, Ho Chi Minh City

NHÀ MÁY TÔN NAM KIM PHÚ MỸ TON NAM KIM PHU MY FACTORY



Diện tích: 32,7 ha
Công suất: 1.200.000 tấn/năm
Vốn đầu tư: 5.800 tỷ đồng
Sản phẩm: PO, CRC, tôn mạ lạnh, tôn mạ kẽm, tôn mạ màu, tôn ZINMAG®.
Địa chỉ: Đường số 1, KCN Mỹ Xuân B1 – Đại Dương, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Area: 32.7 hectares
Capacity: 1,200,000 tons / year
Investment capital: 226.78 million USD
Product: PO, CRC, Galvalume coated steel, Galvanized coated steel, Pre-painted Galvalume coated steel, Pre-painted galvanized steel, ZINMAG® - Magnesium alloy coated steel.
Address: No.1 Street, My Xuan B1 – Dai Duong Industrial Park, Phu My Ward, Ho Chi Minh City

NGUỒN NGUYÊN LIỆU

OUR RAW MATERIALS SOURCES

Tôn Nam Kim sử dụng các nguồn nguyên liệu sản xuất tốt nhất được cung cấp từ các tập đoàn uy tín toàn cầu như:

Ton Nam Kim uses the best quality raw materials provided by global and reputable corporations such as:

Thép cán nóng

Hot Rolled Coil



Nippon Steel
Nhật Bản *Japan*



JFE Steel
Nhật Bản *Japan*



Formosa Hà Tĩnh Steel
Việt Nam *Vietnam*

Hợp kim mạ

Coating Alloy



MGK Metal
Việt Nam *Vietnam*

Hệ sơn

Paint system



Becker
Thụy Điển *Sweden*



PPG
Hoa Kỳ *United State*



KCC
Hàn Quốc *South Korea*

DÂY CHUYỀN TẮY GỈ

CONTINUOUS PICKLING LINE

CÔNG SUẤT
TẮY GỈ

1,000,000

CAPACITY

////////// tấn / năm tons / year



Thép nguyên liệu được tẩy gỉ trên dây chuyền hiện đại của tập đoàn SMS Group (CHLB Đức). Đây là dây chuyền tiên tiến hiện nay. Với quy trình sản xuất khép kín, Tôn Nam Kim luôn chủ động thời gian trong việc phân bổ kế hoạch sản lượng của nhà máy, cũng như nguyên vật liệu sản xuất tẩy gỉ. Với công nghệ FLUIDIZED BED, cho thu hồi hạt sắt với độ tinh khiết cao, là nguyên liệu tái sử dụng cho các nhà máy luyện thép, từ đó góp phần bảo vệ môi trường.

Hot rolled steel coils are de-rusted by picking line from SMS Group (Germany), an advanced production line.

With an immediate production process, Ton Nam Kim can allocate the factory's capacity and arrange different specification materials to be pickled.

With Fluidized Bed technology, it recovers clean iron particles, a reusable material for steel mills, thereby contributing to environmental protection.

**Độ dày
thép nguyên liệu**
*Thickness range of
raw materials*

1.5 mm - 5.0 mm

Khổ rộng
Width range

750 mm - 1.300 mm



Tôn Nam Kim sở hữu dây chuyền cán nguội đôi 2 giá cán, 6 trục CVC đầu tiên của Việt Nam, giúp công suất tăng gấp 2 lần và giảm thiểu nhân lực, chi phí vận hành sản xuất. Công nghệ cán nguội với hệ thống AFC tự động tính toán cho ra độ phẳng bằng tôn tối ưu nhất ngay ở tốc độ cao. Lực kéo khi cán lớn hơn, cán được những mác thép khác có độ cứng cao hơn, cho ra dây sản phẩm rộng hơn để phục vụ nhu cầu đa dạng của thị trường.

Ton Nam Kim owns twin cold rolling mills with two stands, the first 6 - HI reversing cold rolling mills CVC in Vietnam, which helps not only to increase capacity by twice but also to reduce human resources and operation costs to a minimum. The cold rolling technology with the AFC system will automatically calculate the most optimal flatness of the steel sheet at high speed. Supported by a strong pulling force while rolling, the rolling mill is strong enough to roll high tensile steel grades and give a more comprehensive product range to serve the diverse need of the market.

Độ dày đầu ra của thép **0.15 mm - 3.0 mm**
Thickness of finished cold rolled steel

Tốc độ cán **1.400 mét/phút**
Rolling speed meters/minute

DÂY CHUYỀN CÁN NGUỘI COLD ROLLING MILLS

CÔNG SUẤT CÁN NGUỘI **1,000,000**
CAPACITY **tấn / năm** *tons / year*

DÂY CHUYỀN MẠ LẠNH, MẠ KẼM HOẶC MẠ ZINMAG®

CONTINUOUS GALVANIZED/ GALVALUME OR ZINMAG® LINE

CÔNG SUẤT
MẠ

CAPACITY

1,200,000

tấn / năm tons / year



Độ dày tôn mạ

Thickness range

0.18 mm - 3.5 mm

Lớp mạ hợp kim

Coating mass

AZ200 (tôn lạnh) (GL)

Z600 (tôn kẽm) (GI)

ZM450 (tôn ZINMAG®) (ZM)

Tôn Nam Kim có 5 dây chuyền mạ kim loại công nghệ NOF có thể sản xuất tôn mạ kẽm, mạ lạnh theo nhiều tiêu chuẩn khác nhau. Các dây chuyền mạ được chế tạo bởi SMS (CHLB Đức) và được tích hợp các công nghệ hiện đại trong ngành như EMG (CHLB Đức), Drever (Bỉ), Ajax (Mỹ - Nhật) có thể kiểm soát tối ưu độ phẳng, độ đồng đều của bề mặt lớp mạ.

Chảo mạ sử dụng công nghệ ceramic và gia nhiệt cảm ứng bằng inductor của Ajax (Mỹ); đặc biệt dây chuyền mạ lò chữ L của Tôn Nam Kim cho phép đốt nhiệt đều 2 mặt tôn tốt hơn và mang lại sản phẩm chất lượng với độ thẩm mỹ cao.

Ton Nam Kim invests 5 metallic coating lines with NOF technology which can produce Galvanized and/or Aluminium-Zinc steel product complying with various standards. The coating lines are manufactured by SMS Group (Germany) and integrated with modern technology of EMG (Germany), Drever (Belgium), Ajax (USA - Japan) to be able to control optimally flatness and uniformity of the coating surface.

The coating pans are applied ceramic and faradaic induction heating technology of Ajax (USA). Especially, the L-shaped furnace allows heating equally 02 sides of the steel sheet and therefore be able to produce better product quality and higher aesthetics.



**DÂY
CHUYỀN
THÁP MẠ
CHỮ L**

**THE L-SHAPED
FURNACE**



DÂY CHUYỀN MẠ MÀU

COLOR COATING LINE

Tôn Nam Kim sở hữu 2 dây chuyền mạ màu tiên tiến được cung cấp bởi Paco Engineering (Hàn Quốc) và Shanghai JX với hệ thống điều khiển thông minh nhằm bảo đảm chất lượng sơn phủ đồng đều và bền màu. Dây chuyền có khả năng đáp ứng bất kỳ màu sắc nào do khách hàng yêu cầu.

Tôn mạ màu Nam Kim có thể đáp ứng bất kỳ màu sắc nào theo yêu cầu của khách hàng, với thời gian bảo hành trên 50 năm.

Ton Nam Kim owns two advanced color coating lines of Paco Engineering (Korea) and Shanghai JX with smart control system to ensure uniformity of quality and durability of paint layer. The color coating lines can meet any color matching requirement from the customer.

Ton Nam Kim's color coated steel products can meet any color's requirements from customers, with a warranty period of over 50 years.

Độ dày tôn mạ

0.2 mm - 1.2 mm

Thickness range

Khổ rộng

860 mm - 1250 mm

Width

Độ dày sơn

Lên đến 100 Micron/2 mặt

Paint thickness gauge

Up to 100 Micron/2 sides

**CÔNG SUẤT
MẠ MÀU**

180,000

CAPACITY

tấn / năm *tons / year*

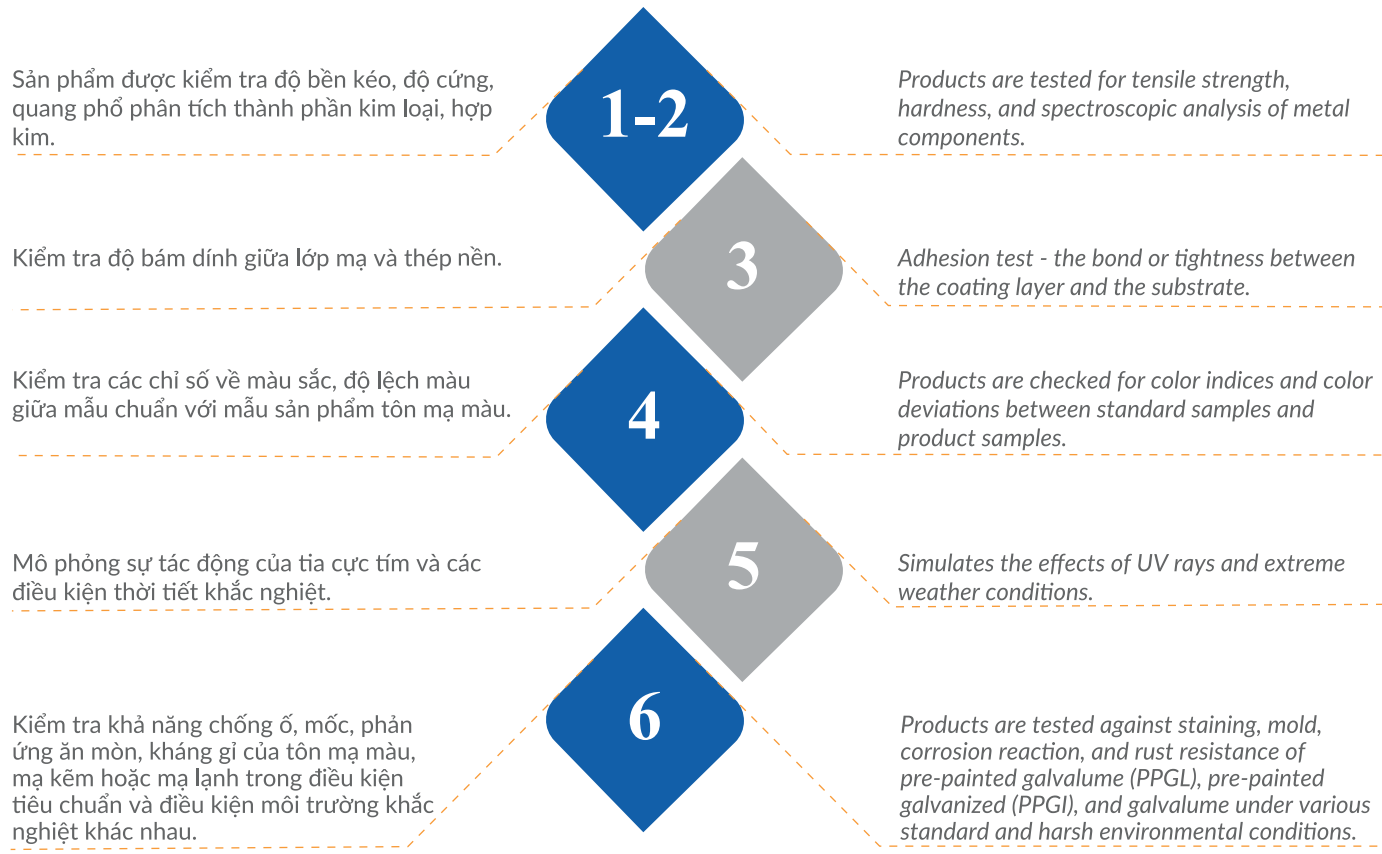


**KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG VÀ
TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG**
**QUALITY CONTROL AND
STANDARDS**



Tôn Nam Kim đặc biệt chú trọng việc kiểm soát chất lượng. Ở mọi công đoạn, sản phẩm phải trải qua các quy trình kiểm tra nghiêm ngặt để đảm bảo được chất lượng tốt nhất. Phòng LAB của Tôn Nam Kim đã được Văn phòng Công nhận chất lượng BoA - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Chứng chỉ công nhận đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 trong lĩnh vực Cơ, Hóa (VILAS 1417).

Ton Nam Kim pays special attention to quality control. At every stage, products must go through rigorous testing procedures to ensure the best quality. Ton Nam Kim's laboratory was granted a certificate of Accreditation by the Ministry of Science and Technology Bureau of Accreditation (BoA) of ISO/IEC 17025:2017, the field of Accreditation: Mechanical and Chemical; Accreditation no: VILAS 1417.



SẢN PHẨM PRODUCTS

Tôn Nam Kim sản xuất và phân phối các loại tôn lạnh, tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và các loại sản phẩm thép công nghiệp. Sản phẩm Tôn Nam Kim đa dạng chủng loại, có độ bền và tính thẩm mỹ cao, sử dụng trong các ứng dụng dân dụng cũng như công nghiệp.

TÔN NAM KIM ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC CÁC TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG KHẮT KHE NHẤT TRÊN THẾ GIỚI:
TON NAM KIM'S PRODUCTS HAVE BEEN CERTIFIED BY THE STRICTEST QUALITY STANDARDS IN THE WORLD:

 Tiêu chuẩn Nhật Japanese Industrial Standards	 Tiêu chuẩn Mỹ American Society for Testing and Materials
 Tiêu chuẩn Châu Âu European Standards	 Tiêu chuẩn Úc Australia Standards
 ISO 9001	 ISO 14001

ĐƯỢC CẤP BỞI CÁC TỔ CHỨC:
CERTIFICATION GRANTED BY:



Ton Nam Kim produces and distributes various types of aluminium-zinc steel, galvanized steel, color coated steel and other industrial steel products. Its products are diverse, highly durable and aesthetic; mainly applied in civil and industrial applications.



**UP TO 50 YEARS
OF WARRANTY**

1. TÔN MẠ KẼM
GALVANIZED COATED STEEL
GI Z80 – Z600



2. TÔN LẠNH
GALVALUME COATED STEEL
GL AZ70 – AZ200

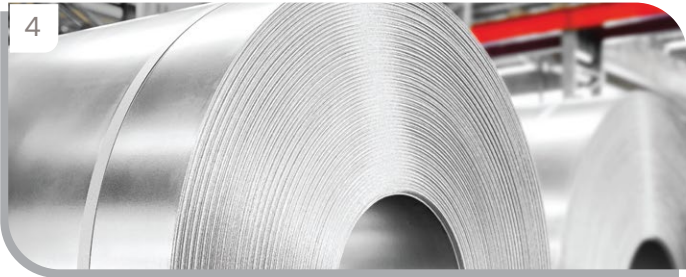


3. TÔN LẠNH MÀU
PRE-PAINTED GALVALUME
COATED STEEL

PPGL AZ50 – AZ100
PE 17/8
PPGL AZ150
– PE 25/10 – SPE 25/10
– SMP 25/10 – PVDF 25/10



PPGL AZ200
– PE 25/10 – PE 25/12
– SPE 25/12 – SMP 25/12
– PVDF 25/12



4. ZINMAG® TÔN MẠ HỢP KIM MAGIE
ZINMAG® MAGNESIUM ALLOY COATED STEEL
ZM60–ZM450



5. ZINMAG® COLOR
ZM90
PE EASY CLEANING 25/10
ZM150
SPE 25/10
ZM180
PVDF 25/12



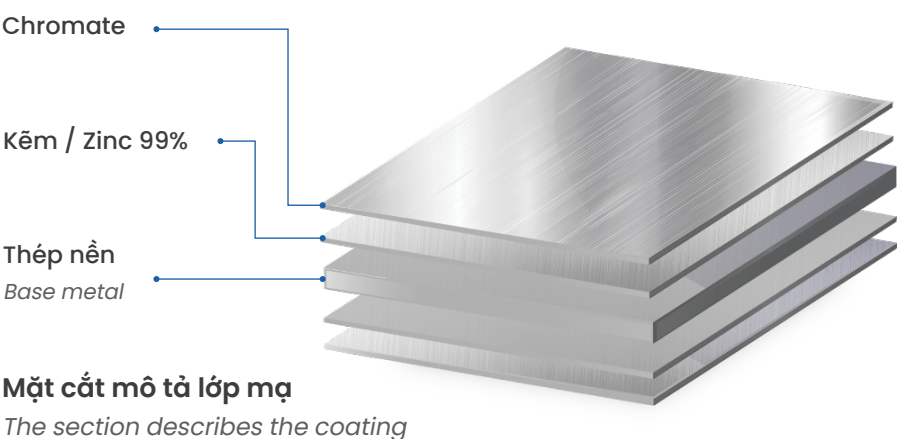
6. ỐNG THÉP
GALVANIZED STEEL PIPE

TÔN MẠ KẼM
GALVANIZED
COATED STEEL
GI Z80 – Z600

MÔ TẢ
DESCRIPTION

Tôn mạ kẽm là thép dạng cuộn được phủ 2 lớp bề mặt bằng kẽm nguyên chất (99%), sử dụng công nghệ nhúng nóng liên tục, thông qua nhiệt độ lò NOF để kiểm soát cơ tính phù hợp với các ứng dụng khác nhau.

Zinc coated (Galvanized) steel sheet is coil steel with 2 layers of pure zinc (99%), using continuous hot-dip technology, through NOF furnace temperature to control mechanical properties which are suitable for different applications.



ỨNG DỤNG
TYPICAL APPLICATIONS

Nhà thép tiền chế
Pre-engineered steel buildings

Xà gỗ kết cấu thép
Purlins and girts

Sàn deck
Deck floor

Ống HVAC
HVAC system

Các chi tiết trong sản phẩm điện gia dụng
Home appliances

Sản phẩm trang trí nội thất
Interior decoration products

Ống thép
Galvanized steel pipe

TIÊU CHUẨN
STANDARDS

JIS G3302	SGCC, SGCD1, SGC340, SGC400, SGC440, SGC570
AS 1397	G250, G300, G350, G450, G500, G550
ASTM A653/A653M	CSA, CSB, SS33, SS37, SS40, SS50, SS60, SS70, SS80
EN 10346	DX51, S220GD, S250GD, S280GD, S320GD, S350GD, S550GD, DX52D, DX53D, S450GD

TIÊU CHUẨN MẠC THÉP CHI TIẾT
STANDARD STEEL DETAILS

MẠC THÉP STEEL GRADE	YS [N/mm²] [Min]	TS [N/mm²] [Min]	E [%] [Min] L ₀ =80mm
CHÂU ÂU EUROPE – EN 10346			
DX51D	-	270 – 500	22
DX52D	140 – 300	270 – 420	26
DX53D	140 – 260	270 – 380	30
S220GD	220	300	20
S250GD	250	330	19
S280GD	280	360	18
S320GD	320	390	17
S350GD	350	420	16
S450GD	450	510	14
S550GD	550	560	-

MẠC THÉP STEEL GRADE	YS [N/mm²] [Min]	TS [N/mm²] [Min]	E [%] [Min] L ₀ =50mm
CHÂU ÚC AUSTRALIA – AS 1397			
G250	250	320	25
G300	300	340	20
G350	350	420	15
G450	450	480	10
G500	500	520	8
G550	550	550	2

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM
PRODUCT SPECIFICATIONS

Độ dày thép nền Base metal thickness	0,25 mm – 3,75 mm
Khổ rộng Width	860 mm – 1.250 mm
Khối lượng lớp mạ Coating mass	80 – 600 g/m²/2 mặt both sides
Xử lý bề mặt Surface processing	Skin-pass, Non-skin-pass
Xử lý bảo vệ lớp mạ Coating protection	Cr 6+, Cr 3+, Antifinger không màu, Antifinger có màu, Oiling Cr 6+, Cr 3+, Colorless anti-fingerprint, Colored anti-fingerprint, Oiling

MẠC THÉP STEEL GRADE	YS [N/mm²] [Min]	TS [N/mm²] [Min]	E [%] [Min] L ₀ =50mm
MỸ AMERICA ASTM A653/A653M			
CS Type A	170/380		20
CS Type B	205/380		20
SS 33 [230]	230	310	20
SS 37 [255]	255	360	18
SS 40 [275]	275	380	16
SS 50 [340] – class 1	340	450	12
SS 50 [340] – class 2	340	...	12
SS 60 [410]	410	480	10
SS 70 [480]	480	550	9
SS 80 [550] – class 1	550	570	...

MẠC THÉP STEEL GRADE	YS [N/mm²] [Min]	TS [N/mm²] [Min]	E [%] [Min] L ₀ =50mm
NHẬT BẢN JAPAN – JIS G 3302			
SGCC	-	-	-
SGCD1	-	270	34 ÷ 38
SGC 340	245	340	20
SGC 400	295	400	18
SGC 440	335	440	18
SGC 570	560	570	-

BẢO HÀNH
WARRANTY

Bảo hành chống thủng theo điều kiện và điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim.
Puncture resistance terms and conditions of Ton Nam Kim warranty.

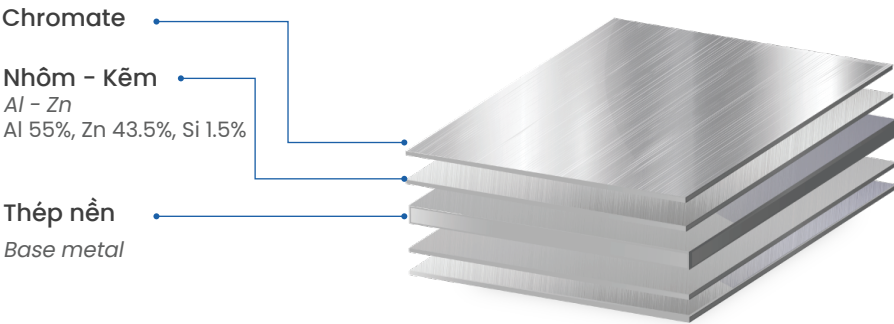
TÔN LẠNH
GALVALUME
COATED STEEL

GL AZ70 – AZ200

MÔ TẢ
DESCRIPTION

Tôn lạnh là thép dạng cuộn được phủ 2 lớp bề mặt bằng hợp kim (55% Nhôm, 43.5% Kẽm, 1.5% Silic), với khả năng chống ăn mòn vượt trội, lớp mạ có độ dẻo và độ bám dính tốt, đảm bảo khả năng định hình tuyệt vời cho các ứng dụng khác nhau.

Galvalume Coated Steel is coiled steel with a surface coated with two layers of alloy (55% Aluminium, 43.5% Zinc, 1.5% Silicon), offering superior corrosion resistance. The coating has excellent ductility and adhesion, ensuring excellent formability for various applications.



Mặt cắt mô tả lớp mạ
The section describes the coating

ỨNG DỤNG
TYPICAL APPLICATIONS



Khung kèo nhẹ
Lightweight trusses



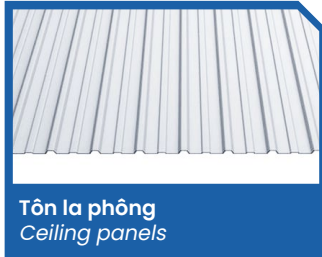
Ống HVAC
HVAC system



Tôn vách
Wall cladding



Tôn lợp mái
Metal Roofing



Tôn la phong
Ceiling panels



Cửa cuốn
Rolling door



Nguyên liệu làm tôn màu
Substrate for pre-painted steel

TIÊU CHUẨN
STANDARDS

JIS G3321	SGLCC, SGLCD, SGLC400, SGLC440, SGLC490, SGLC570
AS 1397	G250, G300, G350, G450, G500, G550
ASTM A792/A792M	CSA, CSB, SS33, SS37, SS40, SS50, SS60, SS70, SS80
EN 10346	DX51, S220GD, S250GD, S280GD, S320GD, S350GD, S550GD, DX52D, DX53D, S450GD

TIÊU CHUẨN MẮC THÉP CHI TIẾT
STANDARD STEEL DETAILS

MẮC THÉP STEEL GRADE	YS [N/mm ²] [Min]	TS [N/mm ²] [Min]	E [%] [Min] L ₀ =80mm
CHÂU ÂU EUROPE - EN 10346			
DX51D	-	270 - 500	22
DX52D	140 - 300	270 - 420	26
DX53D	140 - 260	270 - 380	30
S220GD	220	300	20
S250GD	250	330	19
S280GD	280	360	18
S320GD	320	390	17
S350GD	350	420	16
S450GD	450	510	14
S550GD	550	560	-

MẮC THÉP STEEL GRADE	YS [N/mm ²] [Min]	TS [N/mm ²] [Min]	E [%] [Min] L ₀ =50mm
CHÂU ÚC AUSTRALIA - AS 1397			
G250	250	320	25
G300	300	340	20
G350	350	420	15
G450	450	480	10
G500	500	520	8
G550	550	550	2

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM
PRODUCT SPECIFICATIONS

Độ dày thép nền Base metal thickness	0,18 mm - 2,00 mm
Khổ rộng Width	860 mm - 1.250 mm
Khối lượng lớp mạ Coating mass	70 - 200 g/m ² /2 mặt both sides
Xử lý bề mặt Surface processing	Skin-pass, Non - Skin-pass
Xử lý bảo vệ lớp mạ Coating protection	Cr 6+, Cr 3+, Antifinger không màu, Antifinger có màu, Oiling Cr 6+, Cr 3+, Colorless anti-fingerprint, Colored anti-fingerprint, Oiling

MẮC THÉP STEEL GRADE	YS [N/mm ²] [Min]	TS [N/mm ²] [Min]	E [%] [Min] L ₀ =50mm
MỸ AMERICA- ASTM A792/ A792M			
CS Type A	205 - 410		20
CS Type B	245 - 410		20
SS 33 [230]	230	310	20
SS 37 [255]	255	360	18
SS 40 [275]	275	380	16
SS 50 [340] - class 1	340	450	12
SS 50 [340] - class 2	340	...	12
SS 60 [410]	410	480	10
SS 70 [480]	480	550	9
SS 80 [550] - class 1	550	570	...

MẮC THÉP STEEL GRADE	YS [N/mm ²] [Min]	TS [N/mm ²] [Min]	E [%] [Min] L ₀ =50mm
NHẬT BẢN JAPAN - JIS G 3321			
SGLCC	205	270	20 ÷ 25
SGLCD	-	270	27 ÷ 33
SGLC 400	295	400	16 ÷ 18
SGLC 440	335	440	14 ÷ 18
SGLC 490	365	490	12 ÷ 16
SGLC 570	560	570	-

BẢO HÀNH
WARRANTY

Bảo hành chống thủng theo điều kiện và điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim.
Puncture resistance terms and conditions of Ton Nam Kim warranty.

TÔN LẠNH MÀU
PRE-PAINTED
GALVALUME
COATED STEEL

AZ50 – AZ100
– PE 17/8

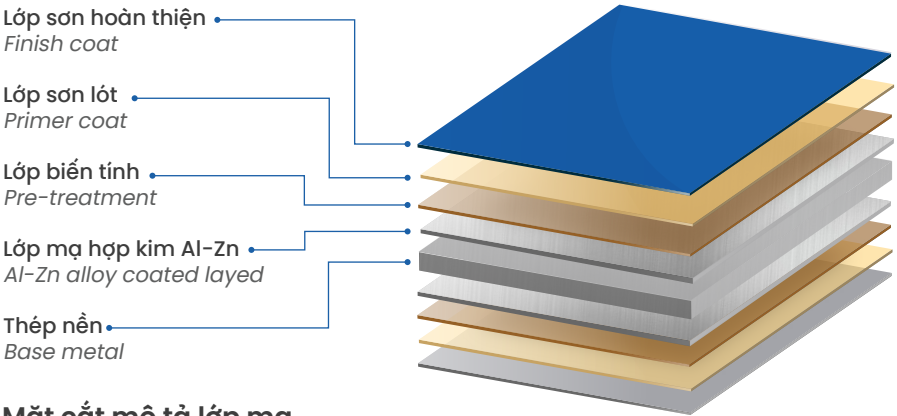
MÔ TẢ
DESCRIPTION

Tôn lạnh màu được sản xuất bởi Tôn Nam Kim là sự kết hợp giữa lớp sơn PE tiên tiến, đảm bảo màu sắc duy trì lâu dài và khả năng chống ăn mòn vượt trội của lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group – CHLB Đức.

Pre-Painted Galvalume coated steel produced by Ton Nam Kim is a combination of high-class paint layers with Aluminum-Zinc alloy to ensure superior corrosion resistance and dirt resistance effectively maintaining the aesthetic, durability and effectiveness of the project.

The product is manufactured on the modern technological line of SMS Group – Germany.



Mặt cắt mô tả lớp mạ
The section describes the coating

ỨNG DỤNG
TYPICAL APPLICATIONS



TIÊU CHUẨN
STANDARDS

JIS G3322
ASTM A755
AS 2728
EN 10169

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM
PRODUCT SPECIFICATIONS

Độ dày thép nền Base metal thickness	0,20mm – 1,20mm
Khổ rộng Width	Max 1.250mm
Khối lượng lớp mạ Coating mass (Al-Zn)	50 – 100g/ m²/2 mặt both sides
Độ dày lớp sơn mặt chính/ mặt lưng Top coat/ Back coat thickness	17/8 µm
Xử lý bề mặt Surface processing	Skin-pass

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN
PAINT SPECIFICATIONS

Sơn mặt chính Top coat		
Lớp sơn hoàn thiện Finish coat	Polyester	12µm
Lớp sơn lót Primer coat	Polyester	5µm
Lớp biến tính Pre-treatment	Chemical	20 – 40mg/m²
Sơn mặt lưng Back coat		
Lớp biến tính Pre-treatment	Chemical	20 – 40mg/m²
Lớp sơn lót Primer coat	Polyester	4 µm
Lớp sơn hoàn thiện Finish coat	Polyester	4 µm

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% – Zn 43,5% – Si 1,5%) – khối lượng lớp mạ 50 – 100g/m²/2 mặt.

Aluminum-Zinc alloy coated layer (Al 55% – Zn 43.5% – Si 1.5%) – coating mass 50 – 100g/m²/both sides.

BẢO HÀNH
WARRANTY

	AZ50	AZ100
Bảo hành chống thủng Warranty against perforation	12 năm years	15 năm years
Bảo hành toàn vẹn màng sơn Film integrity warranty		8 năm years
Bảo hành phai màu sơn Warranty against paint color fading	5 năm years	5 năm years

Bảo hành theo điều kiện điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim
Terms and conditions of Ton Nam Kim warranty

*Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình.

The above information is an approximate value; the actual warranty period depends on the paint system, paint thickness, environmental conditions, shape, and building function.

TÔN LẠNH MÀU
PRE-PAINTED
GALVALUME
COATED STEEL

AZ150
 – PE 25/10 – SPE 25/10
 – SMP 25/10 – PVDF 25/10

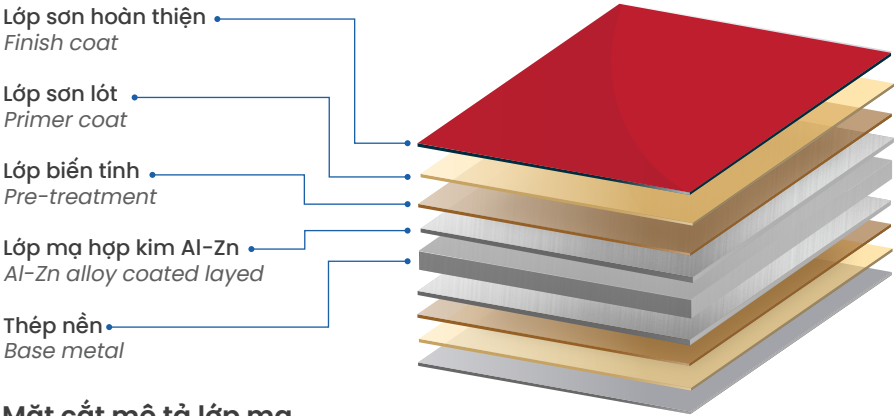
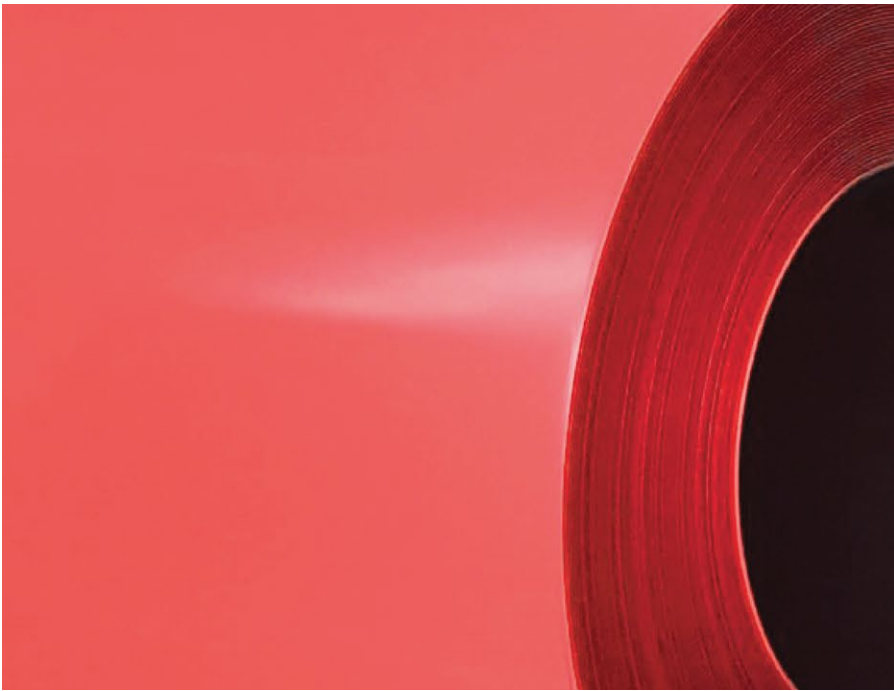
MÔ TẢ
DESCRIPTION

Tôn lạnh mạ màu được sản xuất bởi Tôn Nam Kim là sự kết hợp giữa các dòng sơn cao cấp khác nhau với lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm mang lại đặc tính chống ăn mòn vượt trội và kháng bám bụi góp phần duy trì tính thẩm mỹ và hiệu quả cho công trình.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group – CHLB Đức.

Pre-Painted Galvalume coated steel produced by Ton Nam Kim is a combination of high-class paint layers with Aluminum-Zinc alloy to ensure superior corrosion resistance and dirt resistance effectively maintaining the aesthetic, durability and effectiveness of the project.

The product is manufactured on the modern technological line of SMS Group – Germany.



Mặt cắt mô tả lớp mạ
 The section describes the coating

ỨNG DỤNG
 TYPICAL APPLICATIONS



TIÊU CHUẨN
 STANDARDS

JIS G3322
ASTM A755
AS 2728
EN 10169

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN
 PAINT SPECIFICATIONS

Sơn mặt chính <i>Top coat</i>		
Lớp sơn hoàn thiện <i>Finish coat</i>	<i>Polyester/ Super Polyester/ SMP/ PVDF</i>	20µm
Lớp sơn lót <i>Primer coat</i>	<i>Polyester/ Super Polyester/ SMP/ PVDF</i>	5µm
Lớp biến tính <i>Pre-treatment</i>	<i>Chemical</i>	20 - 40mg/m²
Sơn mặt lưng <i>Back coat</i>		
Lớp biến tính <i>Pre-treatment</i>	<i>Chemical</i>	20 - 40mg/m²
Lớp sơn lót <i>Primer coat</i>	<i>Polyester</i>	5 µm
Lớp sơn hoàn thiện <i>Finish coat</i>	<i>Polyester</i>	5 µm

BẢO HÀNH
 WARRANTY

Bảo hành chống thủng <i>Warranty against perforation</i>	20 năm <i>years</i>	20 năm <i>years</i>	20 năm <i>years</i>	30 năm <i>years</i>
Bảo hành toàn vẹn màng sơn <i>Film integrity warranty</i>	12 năm <i>years</i>	15 năm <i>years</i>	15 năm <i>years</i>	20 năm <i>years</i>
Bảo hành phai màu sơn <i>Warranty against paint color fading</i>	8 năm <i>years</i>	10 năm <i>years</i>	10 năm <i>years</i>	20 năm <i>years</i>
Bảo hành kháng bám bụi <i>Warranty for dirt staining</i>	–	1 năm <i>year</i>	–	2 năm <i>years</i>

Bảo hành theo điều kiện điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim
Terms and conditions of Ton Nam Kim warranty

*Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình.
The above information is an approximate value; the actual warranty period depends on the paint system, paint thickness, environmental conditions, shape, and building function.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM
 PRODUCT SPECIFICATIONS

Độ dày thép nền <i>Base metal thickness</i>	0,20mm - 1,20mm
Khổ rộng <i>Width</i>	Max 1.250mm
Khối lượng lớp mạ <i>Coating mass (Al-Zn)</i>	150g/ m²/2 mặt <i>both sides</i>
Độ dày lớp sơn mặt chính/ mặt lưng <i>Top coat/ Back coat thickness</i>	25/10µm
Xử lý bề mặt <i>Surface processing</i>	Skin-pass

Sơn mặt chính <i>Top coat</i>		
Lớp sơn hoàn thiện <i>Finish coat</i>	<i>Polyester/ Super Polyester/ SMP/ PVDF</i>	20µm
Lớp sơn lót <i>Primer coat</i>	<i>Polyester/ Super Polyester/ SMP/ PVDF</i>	5µm
Lớp biến tính <i>Pre-treatment</i>	<i>Chemical</i>	20 - 40mg/m²
Sơn mặt lưng <i>Back coat</i>		
Lớp biến tính <i>Pre-treatment</i>	<i>Chemical</i>	20 - 40mg/m²
Lớp sơn lót <i>Primer coat</i>	<i>Polyester</i>	5 µm
Lớp sơn hoàn thiện <i>Finish coat</i>	<i>Polyester</i>	5 µm

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43,5% - Si 1,5%) – khối lượng lớp mạ 150g/m²/2 mặt.
Aluminum-Zinc alloy coated layer (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) – coating mass 150g/m²/both sides.

	Sơn PE <i>PE Paint</i>	Sơn SPE <i>SPE Paint</i>	Sơn SMP <i>SMP Paint</i>	Sơn PVDF <i>PVDF Paint</i>
Bảo hành chống thủng <i>Warranty against perforation</i>	20 năm <i>years</i>	20 năm <i>years</i>	20 năm <i>years</i>	30 năm <i>years</i>
Bảo hành toàn vẹn màng sơn <i>Film integrity warranty</i>	12 năm <i>years</i>	15 năm <i>years</i>	15 năm <i>years</i>	20 năm <i>years</i>
Bảo hành phai màu sơn <i>Warranty against paint color fading</i>	8 năm <i>years</i>	10 năm <i>years</i>	10 năm <i>years</i>	20 năm <i>years</i>
Bảo hành kháng bám bụi <i>Warranty for dirt staining</i>	–	1 năm <i>year</i>	–	2 năm <i>years</i>

Bảo hành theo điều kiện điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim
Terms and conditions of Ton Nam Kim warranty

TÔN LẠNH MÀU
PRE-PAINTED
GALVALUME
COATED STEEL

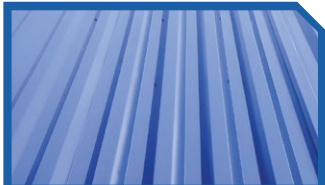
AZ200
PE 25/10 PE 25/12
SPE 25/12 SMP 25/12
PVDF 25/12

MÔ TẢ
DESCRIPTION

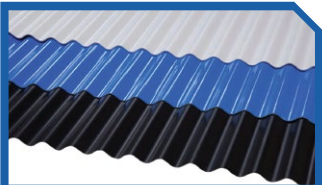
Tôn lạnh mạ màu được sản xuất bởi Tôn Nam Kim là sự kết hợp giữa lớp sơn SPE hoặc PVDF đặc biệt với lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm là sự lựa chọn tối ưu trong điều kiện môi trường khắc nghiệt. Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group – CHLB Đức.

Pre-Painted Galvalume coated steel produced by Ton Nam Kim is a combination of high-class paint layers with Aluminum-Zinc alloy to ensure superior corrosion resistance and dirt resistance effectively maintaining the aesthetic, durability and effectiveness of the project. The product is manufactured on the modern technological line of SMS Group – Germany.

ỨNG DỤNG
TYPICAL APPLICATIONS



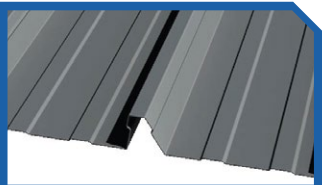
Tôn lợp sóng vuông
Ribbs profile panel



Tôn lợp sóng tròn
Corrugated sheet metal



Tôn lợp seamlock
Seamlock roofing plates



Tôn lợp Kliplock
Kliplock roofing plates



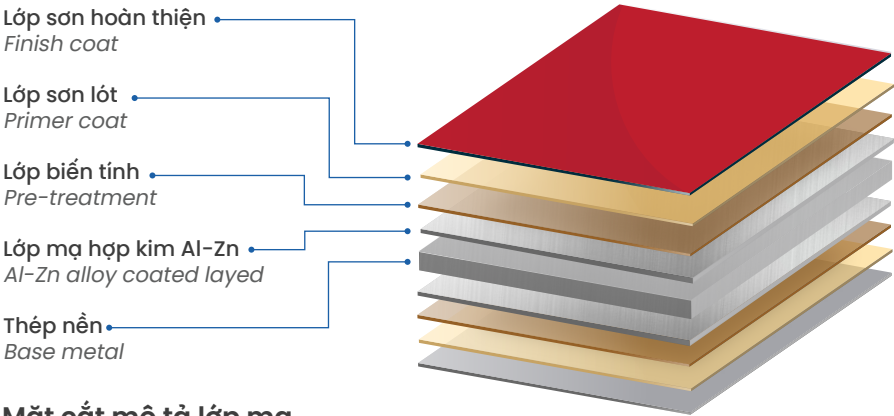
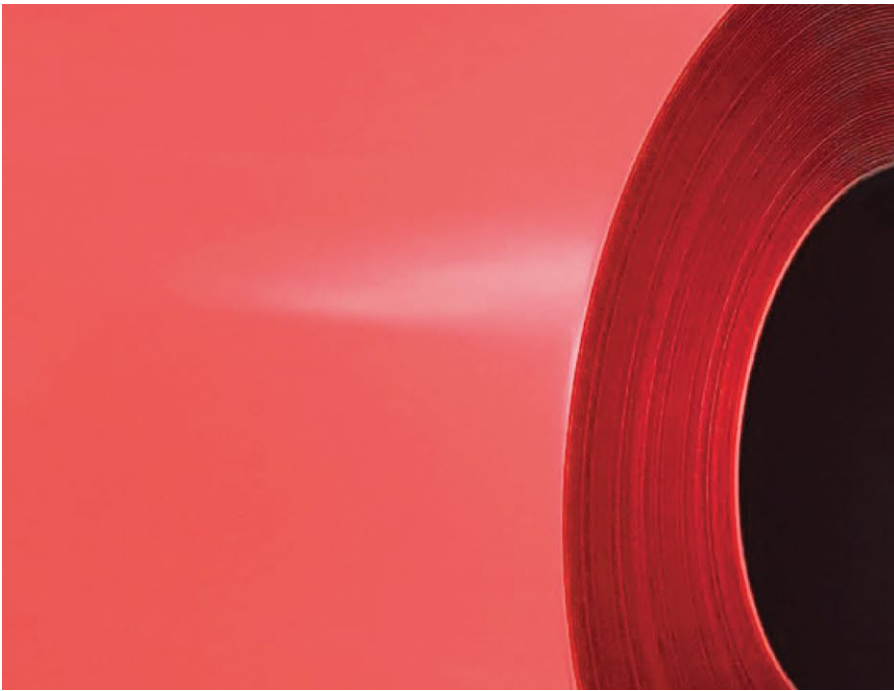
Máng xối
Drain trough



Cửa cuốn
Rolling door



Bảng hiệu
Signboard



Mặt cắt mô tả lớp mạ
The section describes the coating

TIÊU CHUẨN
STANDARDS

JIS G3322
ASTM A755
AS 2728
EN 10169

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN
PAINT SPECIFICATIONS

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM
PRODUCT SPECIFICATIONS

Độ dày thép nền Base metal thickness	0,20mm - 1,20mm
Khổ rộng Width	Max 1.250mm
Khối lượng lớp mạ Coating mass (Al-Zn)	200g/ m²/2 mặt both sides
Độ dày lớp sơn mặt chính/ mặt lưng Top coat/ Back coat thickness	25/12 µm / 25/12 µm
Xử lý bề mặt Surface processing	Skin-pass

Sơn mặt chính Top coat		
Lớp sơn hoàn thiện Finish coat	Polyester/ Super Polyester/ SMP/ PVDF	20µm
Lớp sơn lót Primer coat	Polyester/ Super Polyester/ SMP/ PVDF	5µm
Lớp biến tính Pre-treatment	Chemical	20 - 40mg/m²
Sơn mặt lưng Back coat		
Lớp biến tính Pre-treatment	Chemical	20 - 40mg/m²
Lớp sơn lót Primer coat	Polyester	5 µm
Lớp sơn hoàn thiện Finish coat	Polyester	5-7µm

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43,5% - Si 1,5%) - khối lượng lớp mạ 200g/m²/2 mặt.
Aluminum-Zinc alloy coated layer (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - coating mass 200g/m²/both sides.

BẢO HÀNH
WARRANTY

	Sơn PE PE Paint	Sơn SPE SPE Paint	Sơn SMP SMP Paint	Sơn PVDF PVDF Paint
Bảo hành chống thủng Warranty against perforation	25 năm years	30 năm years	30 năm years	36 năm years
Bảo hành toàn vẹn màng sơn Film integrity warranty	10 năm years	15 năm years	15 năm years	20 năm years
Bảo hành phai màu sơn Warranty against paint color fading	8 năm years	10 năm years	10 năm years	20 năm years
Bảo hành kháng bám bụi Warranty for dirt staining	-	1 năm year	-	2 năm years

Bảo hành theo điều kiện điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim
Terms and conditions of Ton Nam Kim warranty

*Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình.
The above information is an approximate value; the actual warranty period depends on the paint system, paint thickness, environmental conditions, shape, and building function.

ZINMAG® TÔN MẠ HỢP KIM MAGIE

ZINMAG® MAGNESIUM ALLOY COATED STEEL

ZM60-ZM450

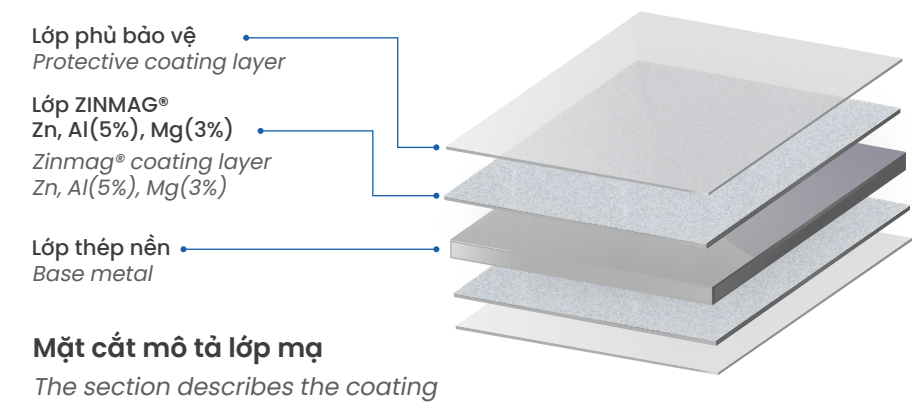
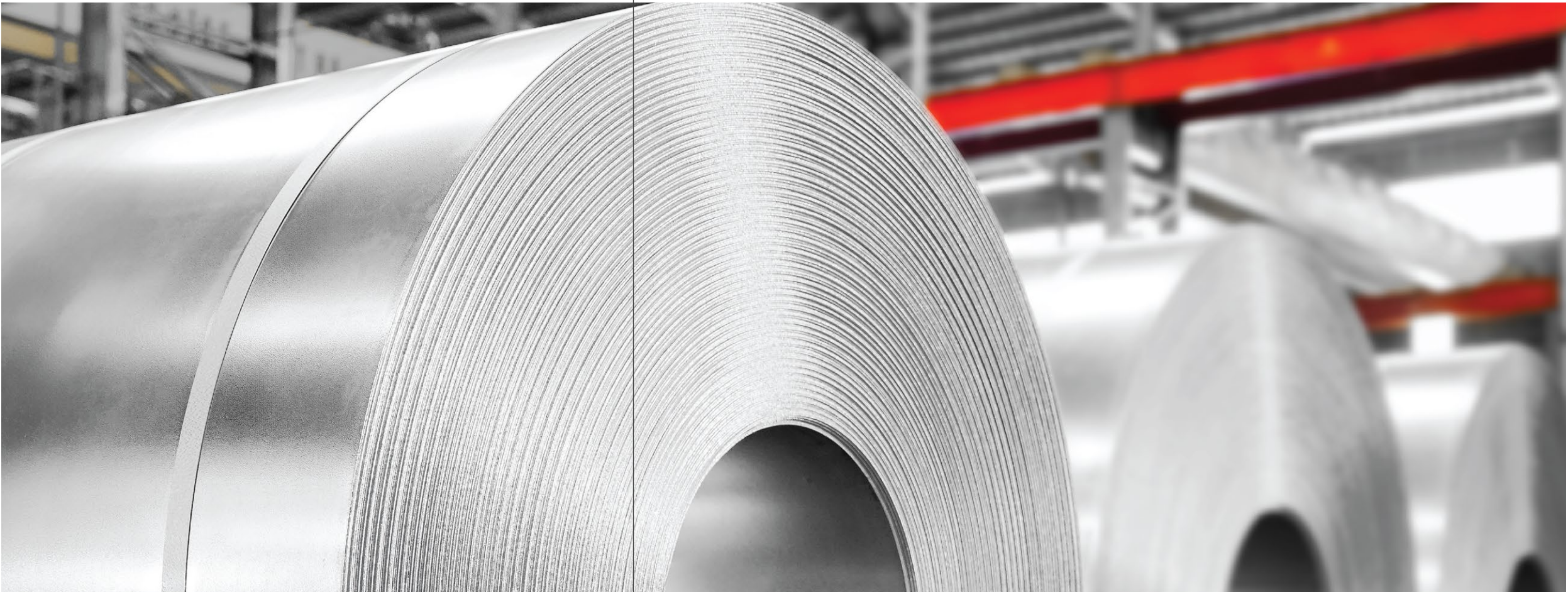
MÔ TẢ DESCRIPTION

ZINMAG® là loại thép mạ hợp kim Magie được phát triển bởi Tôn Nam Kim với sự hợp tác của đối tác MGK và Van Der Laan International Consultancy B.V.

Tôn ZINMAG® với lớp mạ độc đáo Zn-Al5%-Mg3% cung cấp giải pháp đột phá trong việc bảo vệ chống ăn mòn bề mặt và bảo vệ mép cắt kim loại, có thể sử dụng ngay cả trong các môi trường khắc nghiệt nhất (C5) như môi trường chăn nuôi, hóa chất, vận chuyển biển,...

ZINMAG® is a magnesium alloy coated steel developed by Ton Nam Kim in collaboration with MGK and Van Der Laan International Consultancy B.V.

With its unique Zn-Al5%-Mg3% coating, ZINMAG® provides a breakthrough solution for surface corrosion resistance and metal cutting edge protection, making it suitable even for the harshest environments (C5) such as livestock farming, chemical industries, and marine transportation.



ỨNG DỤNG APPLICATION

Ứng dụng làm các công trình gần biển, vật liệu dùng để sản xuất silo, công trình chăn nuôi, thiết bị đồ gia dụng, khung đỡ pin năng lượng mặt trời, HVAC, xà gỗ, sàn deck, máng xối, thanh hệ lan cao tốc,...

Coastal construction projects, materials for silo production, livestock farming facilities, household appliances, solar panel mounting structures, HVAC systems, purlins, metal floor decking, gutters, and highway guardrails.



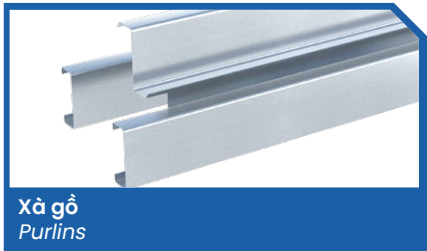
Silo Chứa
Silo Storage



HVAC
HVAC



Khung đỡ pin năng lượng mặt trời
Battery bracket



Xà gỗ
Purlins

TIÊU CHUẨN STANDARDS

AS 1397	G300, G350, G450,...
ASTM A1046/A1046M	SS 340 Class 1/2/4,...
BS EN 10346	S350GD, S450GD,...
JIS G 3323	SGMC340, SGMC570,...

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM PRODUCT SPECIFICATIONS

Độ dày thép nền Base metal thickness	0,4 – 3,2mm
Khổ rộng Width	900 – 1.260mm
Khối lượng lớp mạ Coating mass	ZM60 – ZM450



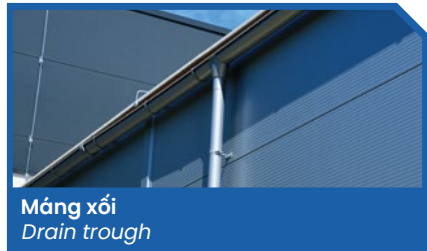
Sàn deck
Deck floor



Thanh hệ lan cao tốc
Guard railing



Thang máng cáp
Cable tray



Máng xối
Drain trough



Chuồng trại
Breeding facilities



Tủ điện
Electrical cabinet

ZINMAG® COLOR

ZM90
- PE EASY CLEANING 25/10

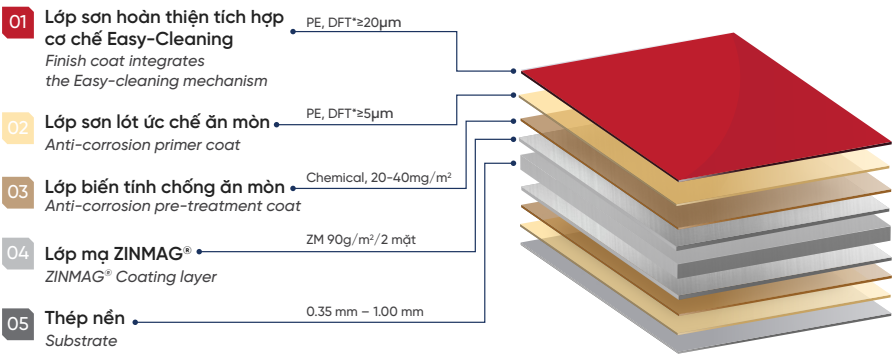
MÔ TẢ
DESCRIPTION

ZINMAG® COLOR ZM90 sử dụng hệ sơn PE Easy-Cleaning với độ dày sơn 25/10 µm là dòng sản phẩm thông dụng mang nhiều ưu điểm về chi phí nhưng vẫn đảm bảo độ bền và duy trì màu sắc lâu dài.

Sản phẩm ZINMAG® COLOR ZM90 là một giải pháp phù hợp cho môi trường khí hậu nhiệt đới gió mùa, có mật độ bụi trong không khí cao.

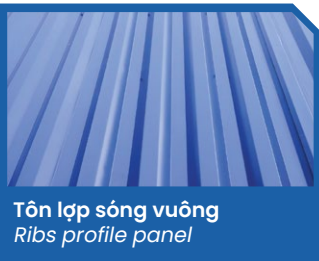
ZINMAG® COLOR ZM90 features the PE Easy-Cleaning paint system with a coating thickness of 25/10 µm. This widely used product line provides significant cost advantages while maintaining excellent durability and long-lasting color stability.

ZINMAG® COLOR ZM90 is an ideal solution for tropical monsoon climates with high air dust density, ensuring optimal performance in challenging environmental conditions.

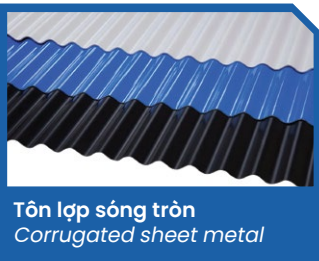


Mặt cắt mô tả lớp mạ
The section describes the coating

ỨNG DỤNG
TYPICAL APPLICATIONS



Tôn lợp sóng vuông
Ribs profile panel



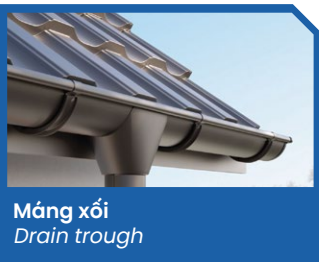
Tôn lợp sóng tròn
Corrugated sheet metal



Tôn lợp seamlock
Seamlock roofing plates



Tôn lợp Kliplock
Kliplock roofing plates



Máng xối
Drain trough



Cửa cuốn
Rolling door



Bảng hiệu
Signboard

TIÊU CHUẨN
STANDARDS

AS/NZS 2728	G300, G550,...
ASTM A755 A755M	SS 340 Class 1/2/3,...
BS EN 10169	S350GD,...

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM
PRODUCT SPECIFICATIONS

Độ dày thép nền Base metal thickness	0,35 mm – 1,00 mm
Lớp mạ hợp kim Alloy coating	92% Kẽm; 5% Nhôm; 3% Magie 92% Zinc; 5% Al; 3% Mg
Khối lượng lớp mạ hợp kim Coating mass weight	90 g/m² / 2 mặt both sides

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN
PAINT SPECIFICATIONS

Sơn mặt chính Top coat		
Lớp sơn hoàn thiện tích hợp cơ chế Easy-Cleaning Finish coat integrates the Easy-cleaning mechanism	Polyester	DFT* ≥ 20µm
Lớp sơn lót chống ăn mòn Anti-corrosion primer coat	Polyester	DFT* ≥ 5µm
Lớp biến tính chống ăn mòn Anti-corrosion pre-treatment coat	Chemical	20 – 40mg/m²
Sơn mặt lưng Back coat		
Lớp biến tính chống ăn mòn Anti-corrosion pre-treatment coat	Chemical	20 – 40mg/m²
Lớp sơn lót chống ăn mòn Anti-corrosion primer coat	Polyester	DFT* ≥ 5µm
Lớp sơn hoàn thiện Finish coat	Polyester	DFT* ≥ 5 µm

BẢO HÀNH
WARRANTY

Bảo hành chống thủng Warranty against perforation	25 năm years
Bảo hành toàn vẹn màng sơn Film integrity warranty	8 năm years
Bảo hành phai màu sơn Warranty against paint color fading	8 năm years

Bảo hành theo điều kiện điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim
Terms and conditions of Ton Nam Kim warranty

*Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình.

The above information is an approximate value; the actual warranty period depends on the paint system, paint thickness, environmental conditions, shape, and building function.

ZINMAG® COLOR

ZM150
- SPE 25/10

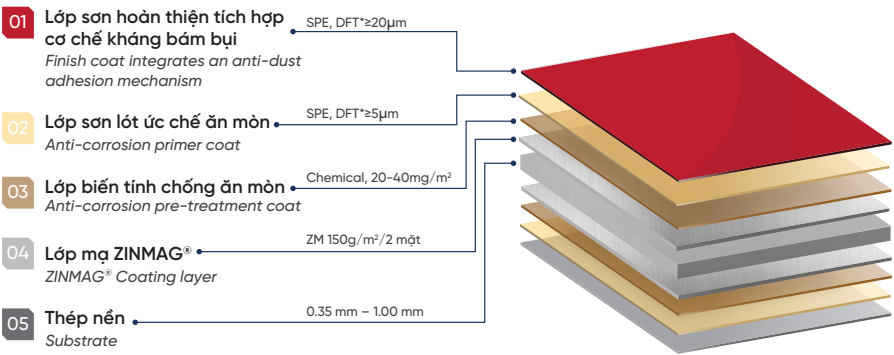
MÔ TẢ
DESCRIPTION

ZINMAG® COLOR ZM150 là sự kết hợp giữa lớp thép nền hợp kim 3% Magie với hệ sơn SPE kháng bám bụi cao cấp mang lại hiệu quả kháng bám bụi, duy trì màu sắc lâu dài và chống ăn mòn vượt trội.

Sản phẩm ZINMAG® COLOR ZM150 kết hợp cùng hệ sơn SPE kháng bám bụi cao cấp phù hợp với công trình chất lượng cao.

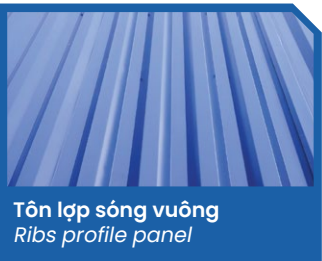
ZINMAG® COLOR ZM150 is a combination of a 3% Magnesium alloy-coated steel substrate and a premium SPE anti-dust coating system, providing excellent dust resistance, long-lasting color retention, and superior corrosion protection.

The ZINMAG® COLOR ZM150 product, combined with the premium SPE anti-dust paint system, is ideal for high-quality projects.

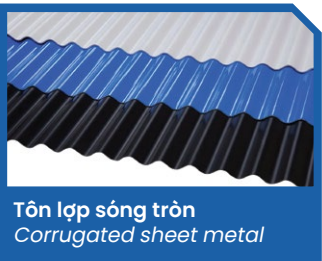


Mặt cắt mô tả lớp mạ
The section describes the coating

ỨNG DỤNG
TYPICAL APPLICATIONS



Tôn lợp sóng vuông
Ribs profile panel



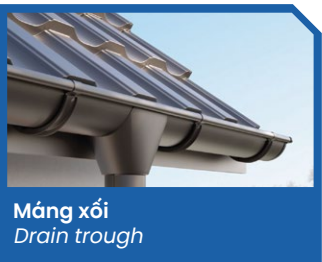
Tôn lợp sóng tròn
Corrugated sheet metal



Tôn lợp seamlock
Seamlock roofing plates



Tôn lợp Kliplock
Kliplock roofing plates



Máng xối
Drain trough



Cửa cuốn
Rolling door



Bảng hiệu
Signboard

TIÊU CHUẨN
STANDARDS

AS 2728	G300, G350, G450, G550
ASTM A753 A753M	SS40, SS50, SS70, SS80
BS EN 10169	S250GD, S350GD, S450GD, S550GD

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN
PAINT SPECIFICATIONS

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM
PRODUCT SPECIFICATIONS

Độ dày thép nền Base metal thickness	0,35 mm - 1,00 mm
Lớp mạ hợp kim Alloy coating	92% Kẽm; 5% Nhôm; 3% Magie 92% Zinc; 5% Al; 3% Mg
Khối lượng lớp mạ hợp kim Coating mass weight	150 g/m² / 2 mặt both sides

Sơn mặt chính Top coat		
Lớp sơn hoàn thiện tích hợp cơ chế kháng bám bụi Finish coat integrates an anti-dust adhesion mechanism	Supper Polyester	DFT* ≥ 20 μm
Lớp sơn lót chống ăn mòn Anti-corrosion primer coat	Supper Polyester	DFT* ≥ 5 μm
Lớp biến tính chống ăn mòn Anti-corrosion pre-treatment coat	Chemical	20 - 40 mg/m²
Sơn mặt lưng Back coat		
Lớp biến tính chống ăn mòn Anti-corrosion pre-treatment coat	Chemical	20 - 40 mg/m²
Lớp sơn lót chống ăn mòn Anti-corrosion primer coat	Polyester	DFT* ≥ 5 μm
Lớp sơn hoàn thiện Finish coat	Polyester	DFT* ≥ 5 μm

BẢO HÀNH
WARRANTY

Bảo hành chống thủng Warranty against perforation	35 năm years
Bảo hành toàn vẹn màng sơn Film integrity warranty	15 năm years
Bảo hành phai màu sơn Warranty against paint color fading	10 năm years
Bảo hành kháng bám bụi Warranty against dirt staining	1 năm year

Bảo hành theo điều kiện điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim
Terms and conditions of Ton Nam Kim warranty

*Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình.
The above information is an approximate value; the actual warranty period depends on the paint system, paint thickness, environmental conditions, shape, and building function.

ZINMAG® COLOR

ZM180
- PVDF 25/12

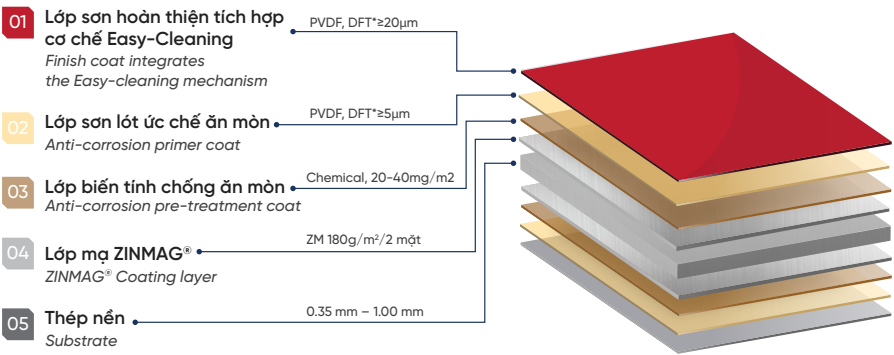
MÔ TẢ
DESCRIPTION

ZINMAG® COLOR ZM180 là sự kết hợp giữa lớp thép nền hợp kim 3% Magie với hệ sơn PVDF kháng bám bụi cao cấp mang lại hiệu quả kháng bám bụi, duy trì màu sắc lâu dài và chống ăn mòn vượt trội.

Sản phẩm ZINMAG® COLOR ZM180 kết hợp cùng hệ sơn PVDF kháng bám bụi cao cấp phù hợp với công trình chất lượng cao.

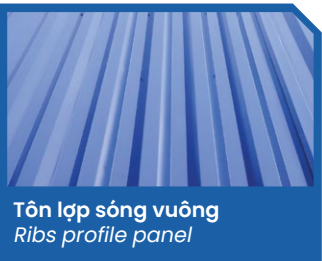
ZINMAG® COLOR ZM180 is a combination of a 3% Magnesium alloy-coated steel substrate and a premium PVDF anti-dust coating system, providing excellent dust resistance, long-lasting color retention, and superior corrosion protection.

The ZINMAG® COLOR ZM180 product, combined with the premium PVDF anti-dust paint system, is ideal for high-quality projects.

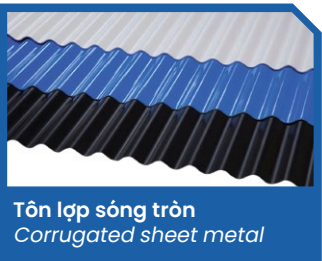


Mặt cắt mô tả lớp mạ
The section describes the coating

ỨNG DỤNG
TYPICAL APPLICATIONS



Tôn lợp sóng vuông
Ribs profile panel



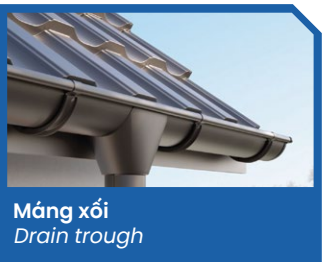
Tôn lợp sóng tròn
Corrugated sheet metal



Tôn lợp seamlock
Seamlock roofing plates



Tôn lợp kliplock
Kliplock roofing plates



Máng xối
Drain trough



Cửa cuốn
Rolling door



Bảng hiệu
Signboard

TIÊU CHUẨN
STANDARDS

AS 2728	G300, G350, G450, G550
ASTM A753 A753M	SS40, SS50, SS70, SS80
BS EN 10169	S250GD, S350GD, S450GD, S550GD

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN
PAINT SPECIFICATIONS

Lớp sơn hoàn thiện tích hợp cơ chế Easy-Cleaning Finish coat integrates the Easy-cleaning mechanism	PVDF	DFT* ≥ 20 μm
Lớp sơn lót chống ăn mòn Anti-corrosion primer coat	PVDF	DFT* ≥ 5 μm
Lớp biến tính chống ăn mòn Anti-corrosion pre-treatment coat	Chemical	20 - 40 mg/m²
Lớp mạ ZINMAG® ZINMAG® Coating layer	ZM 180 g/m² / 2 mặt	
Thép nền Substrate	0.35 mm - 1.00 mm	

BẢO HÀNH
WARRANTY

Bảo hành chống thủng Warranty against perforation	40 năm years
Bảo hành toàn vẹn màng sơn Film integrity warranty	20 năm years
Bảo hành phai màu sơn Warranty against paint color fading	10 năm years
Bảo hành kháng bám bụi Warranty against dirt staining	2 năm years

Bảo hành theo điều kiện điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim
Terms and conditions of Ton Nam Kim warranty

*Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình.
The above information is an approximate value; the actual warranty period depends on the paint system, paint thickness, environmental conditions, shape, and building function.

ỔNG THÉP

GALVANIZED
STEEL PIPE

TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT:
PRODUCTION STANDARD

ASTM A500/A500M
Coating Z80 - Z275



No.	Sizes (mm)	Packaging (pieces/bundle)	Trọng lượng theo độ dày (kg/bó) Weight by thickness (kg/bundle)											
			0.8	0.9	1.0	1.1	1.2	1.3	1.4	1.6	1.8	2.0	2.5	3.0
1	10 x 30	147	367 – 401	419 – 458	471 – 516	516 – 565	567 – 620	670 – 733						
2	12 x 12	196	295 – 323	337 – 368	378 – 414	412 – 451	452 – 494	534 – 584						
3	13 x 26	200	499 – 546	570 – 624	641 – 701	703 – 769	772 – 844	912 – 998						
4	14 x 14	196	333 – 364	380 – 416	427 – 467	474 – 519	521 – 570	615 – 673						
5	16 x 16	196	389 – 426	444 – 486	499 – 545	546 – 597	600 – 657	707 – 774						
6	20 x 20	196	489 – 535	559 – 611	628 – 687	689 – 753	756 – 827	894 – 978						
7	25 x 25	100	321 – 351	365 – 399	409 – 447	449 – 491	492 – 539	581 – 635						
8	20 x 40	128	494 – 540	563 – 616	630 – 689	693 – 758	761 – 832	897 – 981	1032 – 1129	1167 – 1277				
9	30 x 30	100	386 – 422	440 – 481	492 – 539	541 – 592	594 – 650	701 – 767	806 – 882	912 – 998				
10	25 x 50	98	475 – 520	540 – 591	606 – 663	667 – 730	732 – 801	863 – 944	993 – 1086	1123 – 1229				
11	40 x 40	64		377 – 412	423 – 462	465 – 509	511 – 558	556 – 608	601 – 658	692 – 757	783 – 857	874 – 956		
12	30 x 60	72		478 – 522	536 – 586	590 – 646	648 – 708	705 – 771	763 – 835	878 – 960	993 – 1086	1109 – 1213		
13	50 x 50	64		472 – 516	530 – 579	584 – 638	641 – 701	698 – 763	754 – 825	869 – 950	983 – 1075	1097 – 1200	1382 – 1511	1667 – 1823
14	30 x 90	48		426 – 466	477 – 522	527 – 576	578 – 633	629 – 688	681 – 745	784 – 857	887 – 970	990 – 1083	1247 – 1364	1504 – 1645
15	40 x 80	50			497 – 544	549 – 600	602 – 659	656 – 717	709 – 776	816 – 893	924 – 1010	1031 – 1128	1299 – 1421	1567 – 1714
16	50 x 100	32			398 – 436	440 – 481	483 – 528	526 – 575	569 – 622	655 – 716	741 – 810	827 – 904	1042 – 1139	1256 – 1374
17	75 x 75	25				344 – 376	377 – 413		444 – 486	512 – 560	579 – 633	646 – 706	814 – 890	982 – 1074
18	60 x 120	18				298 – 325	327 – 357		385 – 421	443 – 484	501 – 548	559 – 611	704 – 770	849 – 929
19	90 x 90	25				413 – 452	454 – 496		534 – 584	615 – 673	696 – 761	776 – 849	978 – 1070	1180 – 1290
20	100 x 100	25				460 – 503	504 – 552		594 – 650	684 – 748	774 – 846	863 – 944	1088 – 1190	1312 – 1435
21	Ø21	153				439 – 480			570 – 623					
22	Ø27	127				488 – 533			632 – 691					
23	Ø34	102				492 – 538			636 – 695					
24	Ø42	91				552 – 604			714 – 781					
25	Ø49	61				429 – 469			555 – 607	639 – 699	723 – 790	806 – 882		
26	Ø60	61				528 – 578			683 – 747	786 – 860	889 – 972	993 – 1086	1250 – 1367	
27	Ø76	37				406 – 444			525 – 574	604 – 661	683 – 747	763 – 834	961 – 1051	
28	Ø90	27				351 – 384			454 – 497	523 – 572	591 – 647	660 – 722	832 – 909	1003 – 1097
29	Ø114	24				397 – 434			513 – 561	590 – 646	668 – 731	745 – 815	939 – 1027	1133 – 1239

THỊ TRƯỜNG VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI NỘI ĐỊA

DOMESTIC MARKET
AND DISTRIBUTION SYSTEM

PHÂN PHỐI RỘNG KHẮP
DISTRIBUTED ACROSS

34

TỈNH THÀNH
PROVINCES, CITIES

100+

CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM TẠI VIỆT NAM
KEY PROJECTS IN VIETNAM

THỊ TRƯỜNG VÀ HỆ THỐNG
PHÂN PHỐI QUỐC TẾ
INTERNATIONAL MARKET
AND DISTRIBUTION NETWORK

TRÊN MORE THAN
65
QUỐC GIA
VÀ VÙNG LÃNH THỔ
NATIONS & TERRITORIES



Hiện nay, Tôn Nam Kim đã được tin dùng tại thị trường nội địa và xuất khẩu đến hơn 65 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới như Úc, Mỹ, Châu Âu, Đông Nam Á, Nam Á, Trung Đông và Châu Phi.

Currently, Ton Nam Kim's products have been trusted in the domestic market and also exported to more than 65 countries and territories around the world such as Australia, Europe, the United States, Southeast Asia, South Asia, the Middle East, and Africa.

QUAN HỆ HỢP TÁC CO-OPERATION

Tôn Nam Kim đang hợp tác với các tập đoàn, công ty cung cấp thiết bị, nguyên vật liệu uy tín hàng đầu thế giới. Tôn Nam Kim còn có mối quan hệ lâu năm với nhiều khách hàng lớn trong nước và quốc tế, đồng thời cung cấp các sản phẩm tôn thép chất lượng cao cho các công trình trên toàn quốc.

NHÀ CUNG CẤP TRANG THIẾT BỊ EQUIPMENT SUPPLIER

SMS group

SMS (CHLB Đức) là nhà cung cấp thiết bị cho ngành công nghiệp thép hàng đầu thế giới. Tập đoàn đã cung cấp dây chuyền luyện kim cho hàng loạt nhà máy thép lớn tại Đức, Mỹ, Brazil, Iceland, các tiểu vương quốc Ả Rập, Ấn Độ, Malaysia.

SMS (Germany) is a leading supplier of equipment for steel industry in the world. The Group has supplied metallurgical lines to a remarkable number of large steel factories in Germany, USA, Brazil, Iceland, the United Arab Emirates, India, Malaysia, etc.

Ajax TOCCO

Ajax TOCCO Magnethermic là công ty hàng đầu thế giới về thiết bị sưởi ấm, nung chảy cảm ứng và các dịch vụ liên quan hoạt động tại 9 quốc gia trên toàn cầu.

Ajax TOCCO Magnethermic is the World Leader in Induction Melting and Heating Equipment and Associated Services with worldwide operation in 9 countries.

SAMWOOECO

Samwoo Eco (Hàn Quốc) là đơn vị hàng đầu thế giới về cung cấp thiết bị, và giải pháp cho ngành mạ. Samwoo Eco không ngừng phát triển công nghệ mới, sản phẩm mới với chất lượng ưu việt nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng trên toàn cầu.

Samwoo Eco is the world-leading group in supplying equipment and solutions for the metal coating industry. Samwoo Eco is constantly developing new technologies, new products with superior quality to meet the requirements of customers around the globe.

Ton Nam Kim is cooperating with leading reputation corporations of the world who supply the best quality of raw materials. The company also has longtime relationship with many big domestic and international buyers. Especially, on domestic market, it is providing high quality products for projects across the country.

DREVER International

Drever International (Bỉ) có hơn 60 năm kinh nghiệm về công nghệ, thiết bị xử lý nhiệt. Với các công ty đại diện tại các châu lục, Drever International có thể đáp ứng các yêu cầu của khách hàng ở bất cứ nơi nào trên thế giới.

Drever International (Belgium) has more than 60 years of experience in heat treatment technology and equipment. With representative offices located in all continents, Drever International can meet any requirement of customers around the world.

PACO

Paco Engineering Co., Ltd. (Hàn Quốc) là công ty uy tín thế giới về sản xuất thiết bị công nghiệp và cung cấp giải pháp công nghệ đặc biệt là dây chuyền mạ màu trong lĩnh vực thép công nghiệp.

Paco Engineering Co., Ltd. (Korea) is a world-trusted company that manufactures industrial equipment and provides technology solutions, especially in color coating lines of the steel industry.

EMG

EMG Automation (CHLB Đức) nổi tiếng toàn cầu về các giải pháp điều khiển, tự động hóa thông minh và kiểm soát chất lượng sản phẩm cho các dây chuyền sản xuất thép, nhôm, giấy... EMG có các nhà máy chế tạo thiết bị tại Đức, Hoa Kỳ, Brazil, Nhật Bản...

EMG Automation GmbH (Germany) is a globally well-known for its control solutions, smart automation and product quality control for steel, aluminum and paper production lines and so on. EMG has many equipment manufacturing plants which are located in Germany, USA, Brazil, Japan, etc.

ĐỐI TÁC CUNG CẤP NGUYÊN VẬT LIỆU SUPPLYING RAW MATERIALS PARTNERS



Formosa Hà Tĩnh (FHS) là tổ hợp luyện và cán thép có quy mô lớn nhất tại Việt Nam và Đông Nam Á.

Formosa Ha Tinh (FHS) is the largest steelmaking and rolling complex in Vietnam and Southeast Asia.

NIPPON STEEL

Nippon Steel là tập đoàn thép lớn nhất Nhật Bản và là nhà sản xuất thép lớn thứ 3 thế giới về sản lượng vào năm 2017. Tập đoàn đã xuất khẩu sản phẩm đến rất nhiều quốc gia từ Châu Á, đến Bắc Mỹ, Nam Mỹ và Châu Âu.

Nippon Steel is the largest steel corporation in Japan and the third largest steel manufacturer in the world in terms of capacity in 2017. The Group has already exported its products to many countries in Asia, North America, South America and Europe.



MGK là công ty đầu tiên và dẫn đầu trong ngành luyện kim tại Đông Nam Á với các sản phẩm hợp kim chất lượng cao, được công nhận tại thị trường Việt Nam.

MGK is the first and leading company in Southeast Asia specializing in metallurgy industry, producing high quality Pre-mixed Galvalume alloy which is highly recognized in Vietnam.



Unicoh Specialty Chemical là công ty hóa chất hàng đầu Hàn Quốc với hơn 40 năm kinh nghiệm, chuyên cung cấp các loại hóa chất trong ngành công nghiệp, đặc biệt nổi tiếng về các chất xử lý bề mặt kim loại trong dây chuyền mạ kẽm, mạ lạnh, mạ màu...

Unicoh Specialty Chemical is a leading Korean chemical company with more than 40 years of experience, specializing in supplying various chemicals in the industry, specially in reputable for its chemicals that offer metal surface treatment matters in galvanizing lines, aluminium-zinc coating lines, color coating lines and so on.



PPG (Hoa Kỳ) được thành lập năm 1883, là tập đoàn nổi tiếng toàn cầu trong lĩnh vực sản xuất sơn công nghiệp, sơn bảo vệ, sơn tàu biển, sơn ô tô và chất phủ bề mặt. PPG có mặt tại 70 quốc gia trên thế giới.

PPG (United States) was established in 1883, is a globally famous corporation in the field of manufacturing industrial paints, protective paints, marine paints, automotive paints and surface coatings. PPG paints are presented in 70 countries around the world.



Quaker (Mỹ) dẫn đầu toàn cầu về cung cấp hóa chất chuyên dụng cho ngành công nghiệp, có mặt tại 21 quốc gia. Trong gần 100 năm qua, Quaker đã mang đến những giá trị vượt trội cho khách hàng toàn cầu bằng công nghệ tiên tiến, quy trình chặt chẽ và dịch vụ linh động.

Quaker (USA) is a global leader in supplying industrial specialized chemicals, present in 21 countries. For nearly 100 years, Quaker has brought exceptional value to global customers with advanced technology, rigorous processes and flexible services.



Beckers dẫn đầu thị trường toàn cầu về sơn công nghiệp và sơn cuộn. Tập đoàn của Thụy Điển với hơn 150 năm tuổi đời, cung cấp các sản phẩm và giải pháp về sơn cho khách hàng ở 60 nước trên thế giới.

Beckers is leading the global market for industrial paint and coil paint. The Swedish Group, with over 150 years of age, provides paint products and solutions to its customers in 60 countries around the world.



Tập đoàn JFE, thành lập năm 2002 tại Nhật Bản, chuyên sản xuất thép, kỹ thuật công trình và thương mại, với mạng lưới toàn cầu và mục tiêu trung hòa carbon vào năm 2050.

JFE Group, founded in 2002 in Japan, specializes in steel production, engineering, and trading, with a global network and a goal of achieving carbon neutrality by 2050.



Tập đoàn KCC, thành lập năm 1958 tại Hàn Quốc, là nhà sản xuất sơn và vật liệu xây dựng hàng đầu, với mạng lưới toàn cầu tại Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Ấn Độ và Việt Nam

KCC Corporation, founded in 1958 in Korea, is a leading manufacturer of paints and building materials, with a global network in the USA, Japan, China, India, and Vietnam.

MỘT SỐ DỰ ÁN
TÔN NAM KIM ĐÃ CUNG CẤP SẢN PHẨM
TON NAM KIM PROVIDED PRODUCTS FOR

CÔNG TRÌNH PROJECT

CÔNG TY TNHH
LG DISPLAY VIỆT NAM HẢI PHÒNG
LG DISPLAY VIETNAM HAIPHONG COMPANY LIMITED

Diện tích
Area 160.000m²

Địa chỉ
Address KCN Trảng Duệ, An Dương, Hải Phòng
Trang Due Industrial Park, An Duong, Hai Phong

Hạng mục
Category Nhà xưởng
Factory



CÔNG TRÌNH PROJECT

NHÀ MÁY POSCO SS-VINA
POSCO SS-VINA STEEL FACTORY

Diện tích
Area 488.800m²

Địa chỉ
Address KCN Phú Mỹ II, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu
Phu My II Industrial Park, Tan Thanh, Ba Ria - Vung Tau

Hạng mục
Category Nhà xưởng
Factory



CÔNG TRÌNH PROJECT

NHÀ MÁY MPF VIỆT NAM
MPF FACTORY VIETNAM

Diện tích
Area 45.000m²

Địa chỉ
Address KCN Bàu Bàng, Bình Dương
Bau Bang Industrial Park, Binh Duong

Hạng mục
Category Nhà xưởng
Factory



CÔNG TRÌNH PROJECT

NHÀ MÁY THỨC ĂN THỦY SẢN
ALPHA FEED
ALPHA FEED.,JSC

Diện tích
Area 40.000m²

Địa chỉ
Address KCN Hòa Phú, Long Hồ, Vĩnh Long
Hoa Phu Industrial Park, Long Ho, Vinh Long

Hạng mục
Category Nhà xưởng
Factory



CÔNG TRÌNH PROJECT

NHÀ MÁY SƠN KCC - ĐỒNG NAI
KCC PAINT DONG NAI

Diện tích
Area 80.000m²

Địa chỉ
Address KCN Nhơn Trạch 6, Nhơn Trạch, Đồng Nai
Nhon Trach Industrial Park, Nhon Trach, Dong Nai

Hạng mục
Category Nhà xưởng
Factory



CÔNG TRÌNH PROJECT

FRASERS PROPERTY VIỆT NAM
FRASERS PROPERTY VIETNAM

Diện tích
Area 43.500m²

Địa chỉ
Address KCN BDIP, Thủ Dầu Một, Bình Dương
BDIP Industrial Park, Thu Dau Mot, Binh Duong

Hạng mục
Category Nhà xưởng
Factory



MỘT SỐ DỰ ÁN TÔN NAM KIM ĐÃ CUNG CẤP SẢN PHẨM TON NAM KIM PROVIDED PRODUCTS FOR

CÔNG TRÌNH PROJECT

NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH 2 THAI BINH 2 THERMAL POWER

Diện tích Area	45.000m ²
Địa chỉ Address	Mỹ Lộc, Thái Thụy, Thái Bình My Loc, Thai Thuy, Thai Binh
Hạng mục Category	Nhà xưởng Factory



CÔNG TRÌNH PROJECT

NHÀ MÁY HYGIENE CÔNG TY HAYAT KIMYA VIỆT NAM HAYAT KIMYA VIETNAM CO., LTD

Diện tích Area	49.300m ²
Địa chỉ Address	Bình Phước Binh Phuoc
Hạng mục Category	Nhà xưởng Factory



CÔNG TRÌNH PROJECT

NHÀ MÁY BÁNH GẠO WANT WANT WANT WANT VIETNAM

Diện tích Area	75.000m ²
Địa chỉ Address	KCN Long Giang, Tân Phước, Tiền Giang Long Giang Industrial Park, Tan Phuoc, Tien Giang
Hạng mục Category	Nhà xưởng Factory



CÔNG TRÌNH PROJECT

NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX BROTEX COLORED-YARN FACTORY

Diện tích Area	1.100.000m ²
Địa chỉ Address	KCN Phước Đông, Gò Dầu, Tây Ninh Phuoc Dong Industrial Park, Go Dau, Tay Ninh
Hạng mục Category	Nhà xưởng Factory



CÔNG TRÌNH PROJECT

CAINIAO PAT LOGISTICS PARK CAINIAO NETWORK

Diện tích Area	110.000m ²
Địa chỉ Address	KCN Phú An Thạnh, Bến Lức, Long An Phu An Thanh Industrial Park, Ben Luc, Long An
Hạng mục Category	Nhà xưởng Factory



CÔNG TRÌNH PROJECT

NHÀ MÁY DỆT KIM CÔNG TY TNHH TEXHONG LIÊN HỢP VIỆT NAM TEXHONG UNITED TECHNOLOGY

Diện tích Area	47.000m ²
Địa chỉ Address	Quảng Điện, Hải Hà, Quảng Ninh Quang Dien, Hai Ha, Quang Ninh
Hạng mục Category	Nhà xưởng Factory



MỘT SỐ DỰ ÁN
TÔN NAM KIM ĐÃ CUNG CẤP SẢN PHẨM
TON NAM KIM PROVIDED PRODUCTS FOR

CÔNG TRÌNH PROJECT

TRANG TRẠI BÒ THAGRICO
THAGRICCO

Diện tích
Area 200.000m²

Địa chỉ
Address Gia Lai
Gia Lai

Hạng mục
Category Nhà xưởng
Factory



CÔNG TRÌNH PROJECT

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỊT MẮT
MEAT DELI MASAN LONG AN
MEAT DELI MASAN LONG AN FACTORY

Diện tích
Area 60.000m²

Địa chỉ
Address KCN Tân Đức, Đức Hòa Hạ, Đức Hòa,
Long An
Tan Duc Industrial Park, Duc

Hạng mục
Category Nhà xưởng
Factory



CÔNG TRÌNH PROJECT

TỔ HỢP CĂN HỘ FPT PLAZA 3
FPT PLAZA 3 APARTMENT COMPLEX

Diện tích
Area 6.512m²

Địa chỉ
Address Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
Ngu Hanh Son Dist., Da Nang City

Hạng mục
Category Chung cư
Apartment



CÔNG TRÌNH PROJECT

DỰ ÁN BỆNH VIỆN PHỤ SẢN NHI
ĐÀ NẴNG
DA NANG MATERNITY AND CHILDREN'S
HOSPITAL PROJECT

Diện tích
Area 41.889m²

Địa chỉ
Address Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
Ngu Hanh Son Dist., Da Nang City

Hạng mục
Category Bệnh viện
Hospital



CÔNG TRÌNH PROJECT

TỔ HỢP CĂN HỘ THE PANOMA
THE PANOMA APARTMENT COMPLEX

Diện tích
Area 5.000m²

Địa chỉ
Address Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
Ngu Hanh Son Dist., Da Nang City

Hạng mục
Category Chung cư
Apartment



CÔNG TRÌNH PROJECT

AEON MALL HUẾ
AEON MALL HUE

Diện tích
Area 86.000m²

Địa chỉ
Address Q. Thuận Hóa, TP. Huế
Thuan Hoa Dist., Hue City

Hạng mục
Category Trung tâm thương mại
Mall







Quét mã QR
Để biết thêm thông tin
Scan QR code
for more information

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Lô A1, Đường Đ2, KCN Đồng An 2,
Phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

T. (+84) 274 3748 848 | F. (+84) 274 3748 868
www.tonnamkim.com | E. info@namkingroup.vn

Nội địa | *Business Director*

Mr. Nguyễn Quốc Phong
M. (+84) 938 596 889
E. phongnq@namkingroup.vn

Ms. Trần Thị Thanh Thúy
M. (+84) 934 768 468
E. thuyttt@namkingroup.vn

Mr. Nguyễn Minh Thiện
M. (+84) 909 372 220
E. thiennm@namkingroup.vn

NAM KIM STEEL JOINT STOCK COMPANY

Lot A1, Đ2 Street, Dong An 2 Industrial Park,
Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City

T. (+84) 274 3748 848 | F. (+84) 274 3748 868
www.tonnamkim.com | E. info@namkingroup.vn

Xuất khẩu | *Export Business Department*

Ms. Nguyễn Thị Ngọc Liên
M. (+84) 903 192 589
E. lienntn@namkingroup.vn